

Số: 07/2022/CBTT/TLH

Biên Hòa, ngày 15 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**
 - Mã chứng khoán: **TLH**
 - Địa chỉ: G4A – Khu phố 4 – Phường Tân Hiệp – TP.Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai.
 - Điện thoại: 0251.3823187 Fax: 0251.3829043
 - Email: htcd@tienlen.com.vn
2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố báo cáo thường niên 2021 của Công ty cổ phần tập đoàn thép Tiến Lên.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/03/2022 tại đường dẫn:

<https://tienlengroup.com.vn/202/4672/Bao-cao-thuong-nien/Bao-cao-thuong-nien-nam-2021.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- Báo cáo thường niên 2021

Đại diện tổ chức
Người ủy quyền công bố thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHẠM THANH HÒA

Số: 01/2022-BCTN

Biên hòa, ngày 15 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm /Year 2021

Kính gửi:- Ủy ban chứng khoán nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.:
3600512830

- Vốn điều lệ/Charter capital: **1.021.106.210.000 đồng**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: **1.021.106.210.000 đồng**

- Địa chỉ/Address: G4A, khu phố 4, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai

- Số điện thoại/Telephone: (084) 251.3823187 Số fax: (084) 251.3829043

-Website: www.tienlengroup.com.vn/ ; <https://tienlen.com.vn>

- Email : htcd@tienlen.com.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): **TLH**

- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

Thời gian	Nội dung
Năm 1988	- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được thành lập năm 1988, tiên thân là một cửa hàng vật liệu xây dựng, hoạt động theo mô hình kinh doanh cá thể;
Năm 1993	-Từ năm 1993 được chuyển đổi thành doanh nghiệp tư nhân Tiến Lên, với ngành nghề kinh doanh chính là buôn bán vật liệu xây dựng, trong đó, sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm về sắt thép.
Năm 2001	-Trải qua 16 năm hoạt động và phát triển, từ doanh nghiệp tư nhân Tiến Lên, Công ty đã chuyển đổi lần thứ nhất thành Công ty TNHH Tiến Lên ngày 22/11/2001 với mức vốn điều lệ ban đầu chỉ là: 15.000.000.000đ. Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty TNHH, lĩnh vực hoạt động của Tiến Lên được mở rộng, doanh thu và lợi nhuận tăng nhanh vượt bậc trong giai đoạn năm 2006 đến năm 2008.

Năm 2008	Công Ty TNHH Tiến Lên đã tăng vốn lên 226 tỷ đồng với doanh thu trên 1.000 tỷ đồng mỗi năm. Cũng tại thời điểm này, Công ty đã tiến hành mua lại phần lớn vốn góp, sáp nhập 02 Công ty sản xuất và gia công thép hình khác là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc và Công ty TNHH Thép Tây Nguyên thành công ty con của Tiến Lên với mức chi phối trên 95%, giúp cho Tiến Lên trở thành một trong những doanh nghiệp đi đầu cả nước trong việc sản xuất và kinh doanh thép hình (U, I, V) các loại.
Năm 2009	Ngày 18/8/2009 Công ty TNHH Tiến Lên đã thực hiện chuyển đổi thành Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên với mức vốn thực góp là 449.530.000.000 VNĐ. với 2 công ty con trực thuộc và 01 công ty liên kết: - Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Đại Phúc, ngày thành lập 30/11/2001, vốn điều lệ là 120.000.000.000 VNĐ. - Công ty TNHH Thép Tây Nguyên, ngày thành lập 07/08/1999, vốn điều lệ là 161.000.000.000 VNĐ. - Công ty Cổ Phần Thép Bắc Nam, tại Khu Công Nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, Huyện Long Thành, Đồng Nai.
Tiếp theo năm 2009	Ngày 05/10/2009 Công ty hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 9.047.000 cổ phiếu cho cán bộ - CNV công ty và một số cổ đông chiến lược bên ngoài (dưới 100 cổ đông), tăng vốn lên 540.000.000.000 VNĐ. Từ thời điểm này, Tiến Lên chính thức trở thành công ty đại chúng và đã đăng ký với UBCKNN.
Năm 2010	Ngày 09/09/2010, Công ty phát hành 3.706.814 cổ phiếu, tỷ lệ 6,86% để tăng vốn điều lệ lên 577.068.140.000 đồng.
Năm 2013	- Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 4.674.719 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 8,10 % để tăng vốn điều lệ lên 623.815.330.000 đồng. - Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 18.304.155 cổ phiếu để hoán đổi lấy 15.040.283 cổ phiếu của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phúc Tiến vào Công CP tập đoàn thép Tiến Lên, tỷ lệ 29,34% để tăng vốn điều lệ lên 806.856.880.000 đồng.
Năm 2016	- Ngày 17/02/2016, Công ty phát hành 3.959.876 cổ phiếu, tỷ lệ 4,9% để tăng vốn điều lệ lên 846.455.640.000 đồng.
Năm 2017	- Ngày 14/07/2017, Công ty phát hành 8.316.749 cổ phiếu, tỷ lệ 10% để tăng vốn điều lệ lên 929.623.130.000 đồng.
Năm 2018	- Ngày 13/07/2018, Công ty phát hành thêm 9.148.308 cổ phiếu, tỷ lệ 10% để tăng vốn điều lệ lên 1.021.106.210.000 đồng.

- Các sự kiện khác/ Other events: Không có

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of

business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years): Sản xuất và buôn bán sắt thép (không sản xuất tại trụ sở)

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

+ Các tỉnh miền Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Ninh, Thái Bình, Phú Lý, Thanh Hoá)

+ Các tỉnh miền Trung (Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Thuận, Bình Định)

+ Các tỉnh miền Đông Nam Bộ (TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước)

+ Các tỉnh miền Tây Nam Bộ (Cần Thơ, Vĩnh Long, Long An)

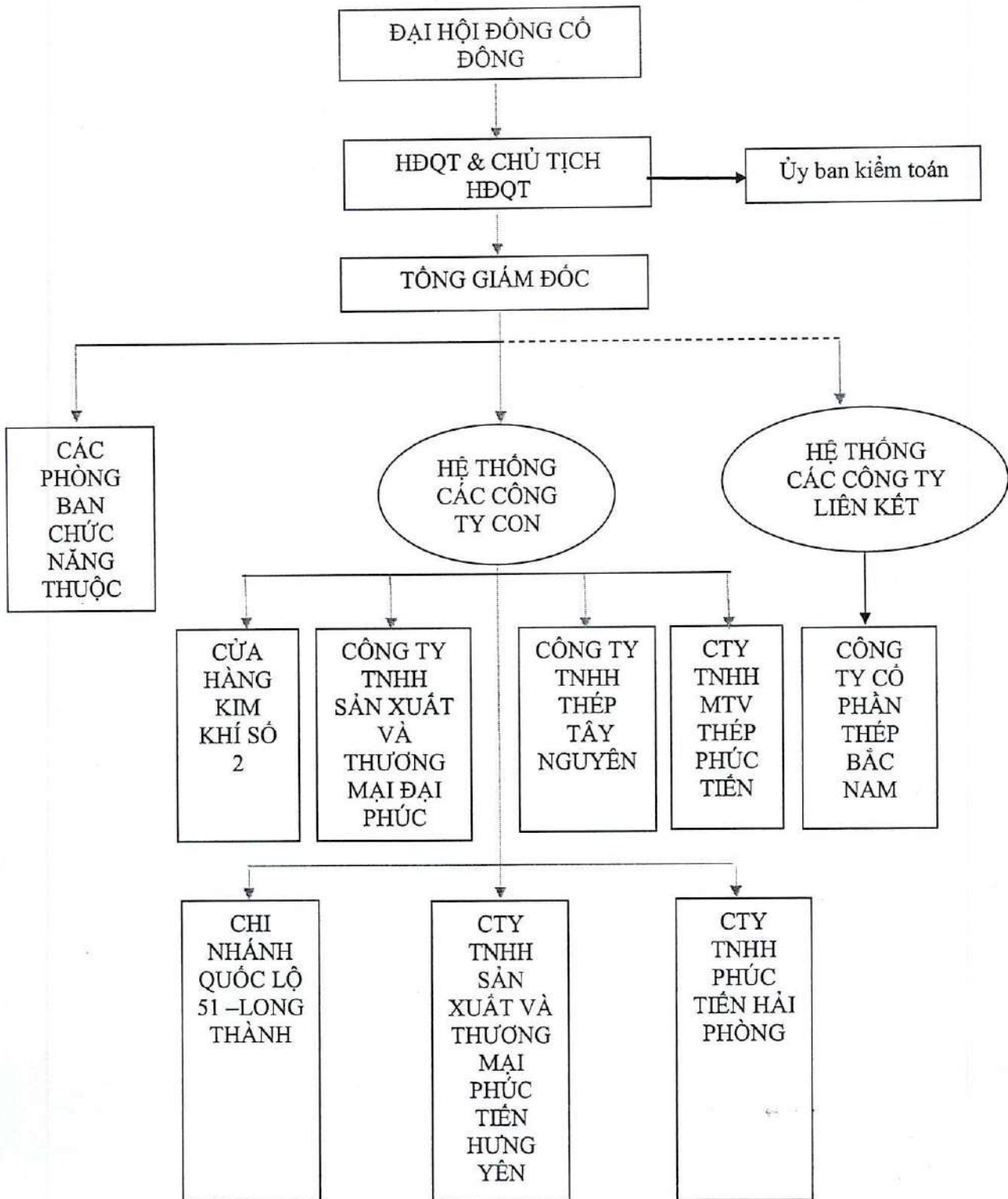
3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

Mô hình quản trị :

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị (HĐQT) :
 - Cơ quan phê chuẩn: Đại hội đồng cổ đông
 - Số thành viên HĐQT hiện tại: 05 thành viên HĐQT
 - Số thành viên quản trị không điều hành: 01 thành viên
 - Số thành viên hội đồng quản trị độc lập: 01 thành viên
- Ủy Ban Kiểm Toán :
 - Cơ quan phê chuẩn: Hội đồng quản trị
 - Số thành viên ủy ban kiểm toán: 02 người
 - Chủ tịch UBKT là thành viên độc lập HĐQT
 - 01 Thành viên HĐQT không điều hành
- Ban Tổng Giám đốc :
 - Cơ quan phê chuẩn: Hội đồng quản trị
- Các phòng ban chức năng:
 - Cơ quan phê chuẩn: Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.)

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON CỦA
TẬP ĐOÀN TIẾN LÊN



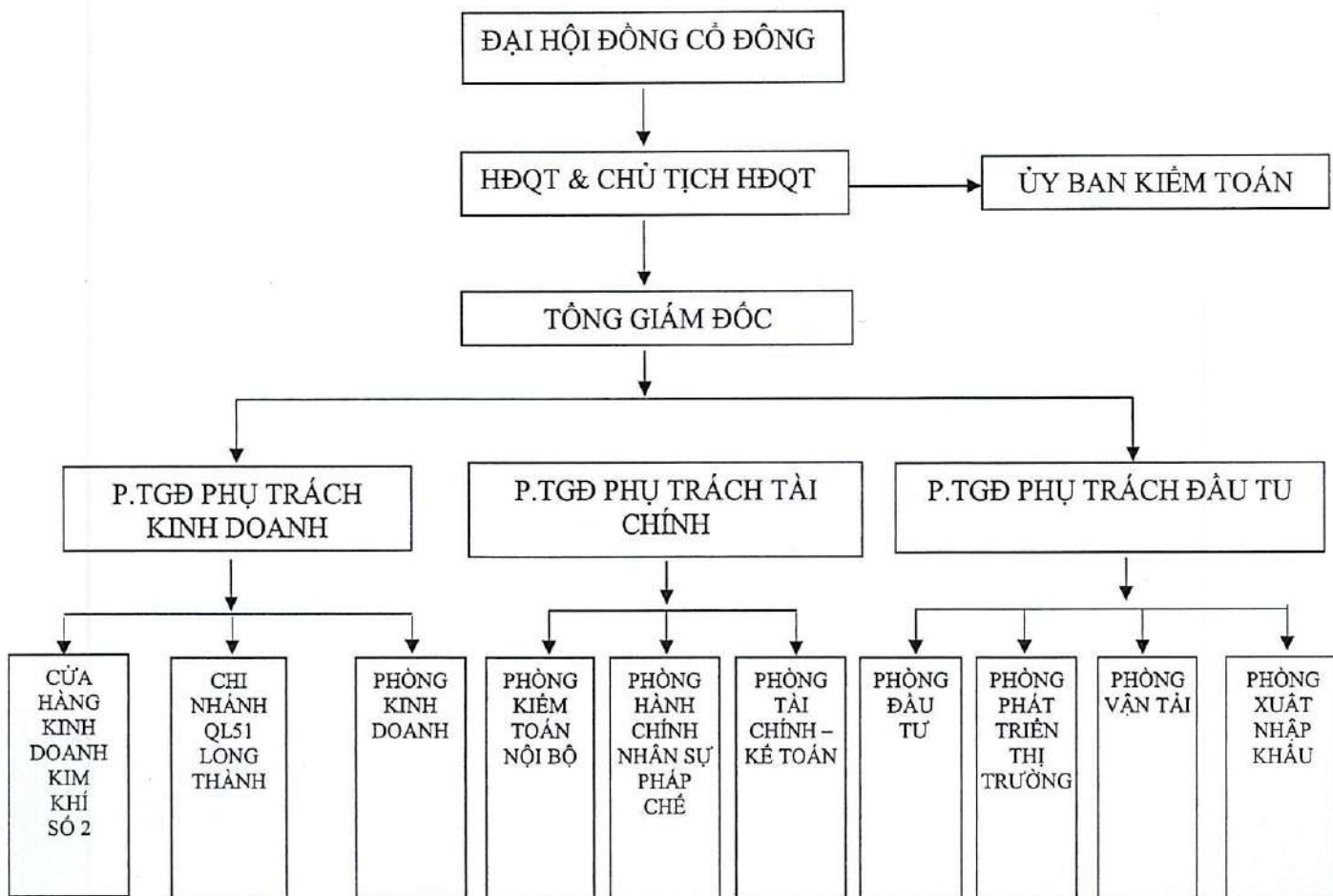
Chú thích : Đường : —————> : Chỉ đạo trực tiếp

Đường : - - - - - : Phối hợp, hỗ trợ, kiểm soát

- Cơ cấu bộ máy quản lý :

- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ủy ban kiểm toán;
- + Ban Tổng Giám đốc.
- + Phòng tài chính-Kế toán.
- + Phòng kiểm toán nội bộ.
- + Phòng hành chính-Nhân sự- Pháp chế
- + Phòng kinh doanh-Xuất nhập khẩu.
- + Các cửa hàng, chi nhánh, văn phòng đại diện.

**CƠ CẤU QUẢN LÝ BỘ MÁY CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**



- Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure.

- Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, cụ thể bao gồm:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Ngọc Phượng	Thành Viên
3. Ông Nguyễn Vũ Hồng Anh	Thành Viên
4. Ông Lê Hoàng Sơn	Thành Viên
5. Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên

Ủy ban kiểm toán: công ty gồm 02 thành viên, cụ thể bao gồm:

1. Ông Lê Hoàng Sơn Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Vũ Hồng Anh Thành viên

- Ban điều hành công ty bao gồm:

1. Bà Phạm Thị Hồng Tổng Giám đốc
2. Bà Nguyễn Ngọc Phượng Phó tổng giám đốc thường trực
3. Ông Dương Quang Bình Phó Tổng giám đốc
4. Bà Ngô Thị Hồng Vân Kế toán trưởng

- Các Phòng ban/bộ phận chuyên môn của Công ty:

1. Phòng Tài chính - Kế toán.
2. Phòng Kinh doanh - Xuất nhập khẩu.
3. Phòng Hành chính - Nhân sự- Pháp chế.
4. ...
5. Hệ thống các chi nhánh, cửa hàng ...

4. Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies).

✓ Các công ty con, công ty liên kết:

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc
 - Địa chỉ: Lô 08, đường Song Hành, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM
 - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
 - Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 95,83%
2. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên
 - Địa chỉ: Lô 12-14, đường số 1, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM
 - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
 - Vốn điều lệ: 161.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 97,35%
3. Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến
 - Địa chỉ: Lô 3-9A, Cụm TTCN Hai Bà Trưng, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
 - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
 - Vốn điều lệ: 214.400.300.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 100%
4. Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam
 - Địa chỉ: KCN Tam Phước, xã Tam Phước, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
 - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
 - Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 48%

✓ Danh sách công ty sở hữu gián tiếp:

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên
 - Địa chỉ: Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
 - Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty: 100%
2. Công ty TNHH Phúc Tiến – Hải Phòng
 - Địa chỉ: Thôn Bắc Hà, xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng
 - Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt, thép.
 - Vốn điều lệ: 37.500.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty: 72%

4. Định hướng phát triển/Development orientations

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / Main objectives of the Company.

✓ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2021:

- a. Tập trung cải tiến năng lực quản lý;
- b. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng;
- c. Đầu tư và phát triển hệ thống;
- d. Áp dụng công nghệ thông tin vào quản trị công ty;
- e. Tăng cường, củng cố và ổn định năng lực tài chính;
- f. Triển khai mở rộng sang những lĩnh vực khác nhằm đảm bảo doanh thu và lợi nhuận.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/Development strategies in medium and long term.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- a. Xây dựng phương thức hoạt động theo thể chế kinh tế thị trường (khách hàng, người lao động, cổ đông), coi đây là tiền đề quyết định để công ty phát triển;
- b. Cải cách đổi mới của từng bộ phận, từng lĩnh vực, tiếp tục bổ sung nhân sự tại các vị trí còn thiếu. Thực hiện phân quyền, giao vốn cho các đơn vị thành viên được chủ động trong hoạt động kinh doanh;
- c. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản trị doanh nghiệp, từng bước số hoá các tài liệu thuộc các phòng ban, đưa công tác quản trị điều hành hiện đại vào trong tập đoàn. Xây dựng văn phòng tập đoàn trở thành văn phòng không giấy và không còn khái niệm khoảng cách giữa các công ty thành viên.
- d. Đổi mới và nâng cấp dây chuyền công nghệ trong sản xuất, trong đó tự động hoá bằng trí tuệ nhân tạo nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng, giá thành hạ nhằm cạnh tranh với các công ty trong nước cùng ngành và các nước trong khu vực.
- e. Đa dạng hóa các nhà cung cấp để chủ động hàng hóa đầu vào trong đó có việc xúc tiến và triển khai ký kết các hợp đồng đại lý cấp 1 với các nhà sản xuất trong nước như Posco SS, Formosa, Hòa Phát để khai thác hệ thống kho và năng lực bán hàng hiện tại.
- f. Đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị phần trong thị trường thép xây dựng.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty /Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

✓ **Các mục tiêu phát triển bền vững:**

- a. Hoàn thiện bộ máy hoạt động, ổn định sản xuất;
- b. Sửa đổi, bổ sung quy chế tài chính, vấn đề tỷ giá, vấn đề về thiên tai, vấn đề về chính sách, đề ra giải pháp cân đối các chỉ tiêu phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù của từng thời kỳ. Phối hợp hiệu quả với các cơ quan kiểm toán để đảm bảo thời gian báo cáo minh bạch, chính xác các hoạt động trước Đại hội đồng cổ đông và nhà đầu tư;
- c. Tập trung điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất, nâng cao uy tín các mặt hàng truyền thống, đảm bảo sức lan tỏa các sản phẩm đến tận từng khách hàng;
- d. Với vai trò là Công ty mẹ: Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên đóng vai trò điều phối hạt nhân của hệ thống Tập đoàn, kết nối các thành viên trong Tập đoàn nhằm tăng cường nguồn lực về tài chính và quản trị cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

5. Các rủi ro/Risks: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

(Phần rủi ro về giá; tỷ giá; thị trường; thanh khoản; tín dụng ; chính sách; lãi suất;

a. Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	103.362.315.053	-	-	103.362.315.053
	103.362.315.053	-	-	103.362.315.053
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư ngắn hạn	20.030.378.972	-	-	20.030.378.972
	20.030.378.972	-	-	20.030.378.972

b. Rủi ro thị trường:

Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất. Thị trường thép biến động khó lường khi khủng hoảng về chính trị, khan hiếm về nguyên liệu gây áp lực mạnh lên giá thép thế giới và nguồn cung. Nhằm đảm bảo Công ty bị tác động về giá ở mức thấp nhất, Ban tổng giám đốc và bộ phận nghiên cứu thị trường đã phân tích và đánh giá tình hình thị trường trong nước và thế giới từ đó có những quyết sách sát với tình hình thực tế đảm bảo nguồn hàng với giá cả hợp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền Việt Nam.

d. Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	1.478.242.391.406	-	-	1.478.242.391.406
Phải trả người bán, phải trả khác	736.028.607.083	142.100.000	-	736.170.707.083
Chi phí phải trả	1.799.291.268	-	-	1.799.291.268
	<u>2.216.070.289.757</u>	<u>142.100.000</u>	<u>-</u>	<u>2.216.212.389.757</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	1.064.370.787.154	-	-	1.064.370.787.154
Phải trả người bán, phải trả khác	180.352.341.859	146.700.000	-	180.499.041.859
Chi phí phải trả	2.183.753.210	-	-	2.183.753.210
	<u>1.246.906.882.223</u>	<u>146.700.000</u>	<u>-</u>	<u>1.247.053.582.223</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

e. Rủi ro về tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				

Tiền và các khoản tương đương tiền	62.326.810.147	-	-	62.326.810.147
Phải thu khách hàng, phải thu khác	402.707.574.227	10.910.100.000	-	413.617.674.227
Các khoản cho vay	198.967.355.074	-	-	198.967.355.074
	664.001.739.448	10.910.100.000	-	674.911.839.448
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.953.845.967	-	-	151.953.845.967
Phải thu khách hàng, phải thu khác	246.799.895.110	9.385.600.000	-	256.185.495.110
Các khoản cho vay	133.852.184.864	-	-	133.852.184.864
	532.605.925.941	9.385.600.000	-	541.991.525.941

f. Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

g. Rủi ro về tài chính:

Rủi ro tài chính của công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

h. Rủi ro về chính sách của Nhà Nước:

Năm 2021, chính phủ đã cập nhật, sửa đổi thường xuyên luật pháp, nghị định, chính sách, thông tư liên quan tới việc hoạt động kinh doanh trong đợt bùng dịch bệnh COVID-19 lần thứ tư. Những chính sách, nghị định, thông tư này có tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, để giảm thiểu rủi ro về chính sách, bộ phận pháp lý và Ban Giám đốc luôn chủ trương trong việc cập nhật tình hình, luật pháp để có thể kịp thời giải quyết các vướng mắc.

i. Rủi ro về thiên tai, bất khả kháng ...:

Trong năm 2021, rủi ro về thiên tai, các chính sách phong tỏa do dịch bệnh và “khủng hoảng” tắc nghẽn tại các cảng biển toàn cầu đã khiến cho hoạt động xuất nhập khẩu đối mặt với nhiều khó khăn khi hàng hóa không thể đến tay người tiêu dùng đúng hạn, gây ảnh hưởng tới tiến độ của nhiều dự án. Để khắc phục vướng mắc này, Ban giám đốc luôn chú

trọng tới việc đảm bảo lượng hàng tồn kho hợp lý, theo dõi sát sao tình hình thị trường nhằm định hướng được thời điểm nhập, xuất hàng để cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và khách hàng không gặp gián đoạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,.../ *specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

Đơn vị tính: Tỷ Đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	TH Thực hiện so với năm KH		TH Thực hiện so với năm BC	
					Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	2.774		4.195			1.421	51,23%
2	Doanh thu thuần	4.085	5.000	4.645	-355	-7.10%	560	13,71%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	93	315	547	232	-73.65%	454	488,17%
4	Lợi nhuận khác	2	0	1			(1)	-50,00%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	95	315	548	233	73.97%	453	476,84%
6	Lợi nhuận sau thuế	79	250	456	206	82.4%	377	477,22%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	754	503	4.381	3878	870.97	3.627	481,03%

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBCNV tập đoàn đã cố gắng đạt kết quả doanh thu thuần là 4.645 tỷ đồng, đồng thời thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong năm thông qua các biện pháp tăng cường bám sát thị trường và đưa ra những kế hoạch phù hợp để giảm thiểu các rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban điều hành cũng giám sát sâu sát hơn nữa, để nhận định xu hướng thị trường cho năm 2022 nhằm giảm thiểu rủi ro để mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn, nhằm đáp ứng sự tăng trưởng bền vững cho Công ty.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Trong năm 2021 doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 4.645 tỷ đồng, tăng 13,71 % so với năm 2021 và giảm 7,10% so với kế hoạch đề ra;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 đạt 456 tỷ đồng, tăng 477,22% so với năm 2020 và

tăng 82,40% so với kế hoạch đề ra;

Đánh giá: Năm 2021 là một năm đầy khó khăn và thách thức với nền kinh tế Việt Nam khi hoạt động sản xuất kinh doanh trên toàn địa bàn phía Nam bị hạn chế bởi diễn biến phức tạp của dịch bệnh viêm phổi cấp COVID-19. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên cũng gặp ảnh hưởng nặng khi quy định phòng dịch gây áp lực lên doanh thu. Tuy nhiên, nhận định sắc bén và chỉ đạo sát sao của Hội Đồng Quản trị cũng như Ban giám đốc để bán hàng ra khi thị trường thép tăng mạnh những tháng đầu năm 2021 đã giúp Công ty vượt kế hoạch về lãi suất Đại hội đồng cổ đông đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Trình độ học vấn	Chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ hiện nay	Tóm tắt quá trình công tác	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Phạm Thị Hồng	1968	12/12	Quản trị kinh doanh	Tổng giám đốc	Từ năm 1993-2001 - Quản lý tại DNTN Tiến Lên	11.603.706	11,36%
						Từ năm 2002-10/2009 - Giám đốc Công ty TNHH Tiến Lên		
						Từ 10/2009 đến nay - Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên		
2	Dương Quang Bình	1964	12/12	Cử nhân luật/Tài chính kế toán	Phó tổng giám đốc	Từ 2/1987-4/1990 kế toán trưởng Công ty cung ứng dịch vụ Vĩnh An	80	0,00%
						Từ 5/1990-4/1995, Phó phòng kế toán; Phó phòng kinh doanh Công ty thương nghiệp		

						tổng hợp Vĩnh An		
						<p>Từ 04/1995 đến 04/1999</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế toán trưởng Trạm kinh doanh thương mại tổng hợp; - Phó phòng kế toán Công ty Thương mại Dịch vụ Biên Hòa; - Phó phòng kế hoạch và đầu tư Công ty thương mại dịch vụ Biên Hòa; - Giám đốc trung tâm kinh doanh XNK hàng thủ công mỹ nghệ - Công ty thương mại dịch vụ Biên hòa; 		
						Từ năm 1999-2002 - Kế toán trưởng tại DNTN Tiên Lên		
						Từ năm 2002-10/2009 - Phó giám đốc Công ty TNHH Tiên Lên		
						Từ 10/2009 đến nay - Phó tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn thép Tiên Lên		
3	Nguyễn Ngọc Phụng	1997	12/12	Đại Học	Phó tổng giám đốc	Từ năm 2018 đến 07/2021 - Trợ lý hội đồng quản trị Công ty	5.582.772	5,47%

					thường trực	CP tập đoàn thép Tiên Lên		
						08/2021 đến nay - Phó tổng giám đốc thường trực công ty CP Tập đoàn Thép Tiên Lên		
4	Ngô Thị Hong Vân	1975	12/12	Cử nhân kinh tế	Kế toán trưởng	Từ năm 1999- 2002 - Kế toán tại DNTN Tiên Lên	75	0,00%
						Từ năm 2002- 10/2009 - Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Tiên Lên		
						Từ 10/2009- 02/2020 - Kế toán tổng hợp Công ty CP Tập đoàn Thép Tiên Lên		
						Từ 01/03/2020 đến nay - Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Thép Tiên Lên		

- Những thay đổi trong ban điều hành/*changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (*List the changes in the Board of Management in the year*).

STT	Ngày tháng năm	Nội dung thay đổi
1	12/08/2021	- Hội đồng quản trị bổ nhiệm bà Nguyễn Ngọc Phượng giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

Số lượng cán bộ công nhân viên Tập đoàn tính tới ngày 31/12/2021 là 286 người, nhìn chung lực lượng lao động trong công ty ổn định nhờ chính sách của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty cùng sự phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở quan tâm tới đời sống của người lao động trong lúc tình hình đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

Trong năm 2021 công ty không có khoản đầu tư lớn nào với tâm lý lo ngại ảnh hưởng của đại dịch tới nền kinh tế toàn cầu đầy rủi ro.

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	937	684	-253	-27,00%
2	Lợi nhuận gộp	52	90	38	73,08%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	18	55	37	205,56%
4	Lợi nhuận sau thuế	16	45	29	181,25%

2. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	1.049	769	-280	-26,69%
2	Lợi nhuận gộp	41	126	85	207,32%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	13	90	77	592,31%
4	Lợi nhuận sau thuế	13	83	70	538,46%

3. Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	1.001	1.013	12	1,20%
2	Lợi nhuận gộp	29	121	92	317,24%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	13	112	99	761,54%
4	Lợi nhuận sau thuế	10	90	80	800,00%

4. Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	1.577	839	-738	-46,80%
2	Lợi nhuận gộp	76	132	56	73,68%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	26	65	39	150,00%
4	Lợi nhuận sau thuế	18	53	35	194,44%

- Danh sách công ty sở hữu gián tiếp:

6. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	732	798	66	9,02%
2	Lợi nhuận gộp	23	97	74	321,74%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	10	85	75	750,00%

4	Lợi nhuận sau thuế	8	68	60	750,00%
---	--------------------	---	----	----	---------

7. Công ty TNHH Phúc Tiên – Hải Phòng

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	532	815	283	53,20%
2	Lợi nhuận gộp	16	59	43	268,75%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	10	46	36	360,00%
4	Lợi nhuận sau thuế	7	36	29	414,29%

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Số tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước
1	Tổng giá trị tài sản	2.774	4.195	1.421	51,23%
2	Doanh thu thuần	4.085	4.645	560	13,71%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	93	547	454	488,17%
4	Lợi nhuận khác	2	1	(1)	-50,00%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	95	548	453	476,84%
6	Lợi nhuận sau thuế	79	456	377	477,22%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	754	4.381	3.627	481,03%

- Tổng giá trị tài sản năm 2021 đạt 4.195 tỷ, tăng 51,23% so với năm 2020;
- Doanh thu thuần tăng 13,71% so với năm 2020, do giá cả thị trường tăng đột biến;

Do giá vốn hàng bán thấp và giá thép có chiều hướng tăng vào cuối năm 2020 dẫn tới Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 tăng mạnh 488,17% so với năm 2020. Nhờ vào đó, Lợi nhuận trước và sau thuế năm 2021 lần lượt tăng tương ứng là 476,84% và 477,22% so với năm 2020.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 của TLH đạt mức 4.381 đồng/cổ phiếu.
 - Các chỉ tiêu khác/ *Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*): không có
- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*:

Chỉ tiêu / <i>Indicators</i>	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,6	1,7	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset - Inventories Short term Debt	0,36	0,45	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,54	0,47	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	1,19	0,87	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	1,78	1,72	
+ Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Net revenue/ Average Total Assets)	1,33	1,17	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,10	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,24	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	0,11	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Profit from business activities/ Net revenue Ratio)	0,12	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Vốn điều lệ : 1.021.106.210.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 102.110.621 cổ phần (*)
- + Cổ phiếu đang lưu hành : 102.110.621 cổ phần
- + Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần

(*): Tất cả số cổ phần này đều là cổ phần tự do chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

STT	Danh mục	SL phiếu	Cổ Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	-	0,00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cp trở lên	37.182.268	36,42%	3	-	3
	- Trong nước	37.182.268	36,42%	3	-	3
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
4	Công đoàn Công ty	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	0,00%			-
6	Cổ đông khác		%			
	- Trong nước	63.536.346	62,22%	7.695	57	7.638
	- Nước ngoài	1.392.007	1,36%	66	16	50
	TỔNG CỘNG	102.110.621	100,00%	7.761	73	7.688
	Trong đó: - Trong nước	100.718.614	98,64%	7.695	57	7.638
	- Nước ngoài	1.392.007	1,36%	66	16	50

(Trích nguồn danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 25/03/2021 và có cập nhật thay đổi của cổ đông lớn)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp*)/*specify equity increases*

including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc :

Xem mục I, quá trình hình thành và phát triển.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

Số lượng cổ phiếu hiện tại:

- Số cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Loại giao dịch: Bán

- Số cổ phiếu đã thực hiện giao dịch: 1.460.000 Cổ phiếu

- Thời gian thực hiện giao dịch: Từ ngày 13/10/2021 đến 27/10/2021

- Giá giao dịch bình quân: 23.192 Đồng

- Phương thức giao dịch: Khớp lệnh và thỏa thuận

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues:*

Không có phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company:

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/ *Total direct and indirect GHG emission:*

Hoạt động kinh doanh của công ty là hoạt động thương mại và gia công thép cuộn chiếm tỷ trọng trên 90% do vậy trong quá trình hoạt động không phát ra khí thải nhà kính, trừ trường hợp khí thải nhà kính phát sinh ra do sinh hoạt của người lao động.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission:*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty nên chưa triển khai các phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year:*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm không có.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức chưa triển khai.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên năng lượng tiêu thụ trực tiếp chủ yếu là điện năng sử dụng cho gia công thép cuộn và điện sử dụng cho văn phòng, hệ thống chiếu sáng, bảo vệ.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Để tiết kiệm năng lượng được thông qua các giải pháp trong đó quy định trong tập đoàn là toàn bộ thiết bị điện nhập khẩu, mua trong nước phải được dán nhãn tiết kiệm năng lượng theo quy định của Bộ công thương. Đối với dây chuyền sản xuất thép ngoài yếu tố công nghệ đi tắt đón đầu, dây chuyền phải đáp ứng quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp thép của Bộ công thương.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng và báo cáo kết quả của các sáng kiến này chưa có số liệu tổng hợp, phân tích, đánh giá.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước của công ty và các công ty con trong tập đoàn chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của công nhân viên. Riêng nhà máy thép Bắc Nam công nghệ làm mát cho dây chuyền sản xuất thép hình là sử dụng công nghệ nước tuần hoàn, lượng nước tiêu hao chủ yếu do bay hơi tự nhiên. Lượng nước tiêu hao chủ yếu được cấp bù với khối lượng nhỏ.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Tại nhà máy thép Bắc Nam (công ty liên kết) sử dụng công nghệ giải nhiệt bằng phương pháp tuần hoàn thì lượng nước tái sử dụng trên 90% sau khi lắng, lọc và hồi nước về hồ chứa.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/
Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường nên chưa có bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/
the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment:

Chưa có số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/
Number of employees, average wages of workers.

- Số lao động: 286

- Mức lương trung bình đối với người lao động: 14.000.000 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/
Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/
Employee training

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/
The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/
The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/
The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/
Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results:

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

51
N
P
10
3
70

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Tình hình thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước		Tình hình thực hiện năm nay so với Kế hoạch đề ra	
			Kế hoạch	Thực hiện	Số tăng(+)/giảm (-)	Tỷ lệ tăng, giảm (%)	Số tăng(+)/giảm (-)	Tỷ lệ tăng, giảm ((%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.085	5.000	4.646	561	13,73%	-354	-7,08%
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	1		1	0	0,00%	1	
03	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.085	5.000	4.645	560	13,71%	-355	-7,10%
04	Giá vốn hàng bán	3.820	4.555	3.967	147	3,85%	-588	-12,91%
05	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	265	445	677	412	155,47%	232	52,13%
06	Doanh thu hoạt động tài chính	41	20	61	20	48,78%	41	205,00%
07	Chi phí tài chính	88	60	70	-18	-20,45%	10	16,67%
08	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>81</i>	<i>50</i>	<i>56</i>	<i>-25</i>	<i>-30,86%</i>	<i>6</i>	<i>12,00%</i>

09	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-15	0	25	40	-266,67%		
10	Chi phí bán hàng	52	40	87	35	67,31%	47	117,50%
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	58	50	59	1	1,72%	9	18,00%
12	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	93	315	547	454	488,17%	232	-73,65%
13	Thu nhập khác	3		3	0	0,00%		0,00%
14	Chi phí khác	2		2	0	0,00%		
15	Lợi nhuận khác	2	0	1	-1	-50,00%		
16	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95	315	548	453	476,84%	233	73,97%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16	65	91	75	468,75%	26	40,00%
18	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	79	250	456	377	477,22%	206	82,40%
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	76		442	366	481,58%		
21	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3		14	11	366,67%		
22	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	754	503	4.381	3.627	-481,03%	3.878	870,97%

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ%
A	Tài sản ngắn hạn	2.219	3.636	1.417	63,86%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	152	62	-90	-59,21%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	154	302	148	96,10%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	254	415	161	63,39%
4	Hàng tồn kho	1.643	2.807	1.164	70,85%
5	Tài sản ngắn hạn khác	16	48	32	200%
B	Tài sản dài hạn	555	559	4	0,72%
1	Các khoản phải thu dài hạn	9	11	2	22,22%
2	Tài sản cố định	318	308	-10	-3,14%
3	Bất động sản đầu tư	22	21	-1	-4,55%
4	Tài sản dở dang dài hạn	29	14	-15	-51,72%
5	Đầu tư tài chính dài hạn	175	199	24	13,71%
6	Tài sản dài hạn khác	2	6	4	200%
Tổng tài sản		2.774	4.195	1.421	51,23%

- + Tài sản ngắn hạn đạt mức 3.636 tỷ đồng, tăng 63,86% so với năm 2020;
- + Hàng tồn kho đạt mức 2.807 tỷ đồng, tăng 70,85% so với năm 2020;
- + Tổng tài sản đạt mức 4.195 tỷ đồng, tăng 51,23% so với năm 2020;

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ Current debts, major changes of debts.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Số cuối năm 2020 (Tỷ đồng)	Số cuối năm 2021 (Tỷ đồng)	Chênh lệch (+ Tăng)/(-Giảm)	
				Số tiền (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
A	Nợ phải trả	1.294	2.277	983	75,97%
1	Nợ vay ngắn hạn	1.294	2.276	982	75,89%
2	Nợ vay dài hạn	0.147	1		
B	Vốn chủ sở hữu	1.480	1.919	439	26,66%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	1.021	1.021		
2	Lợi nhuận sau thuế, quỹ chưa phân phối và các khoản khác.	79	456	377	477,22%
	Tổng nguồn vốn	2.774	4.195	1.421	51,23%

Tổng nợ phải trả cuối năm 2021 là 2.277 tỷ đồng, tăng 983 tỷ đồng tương đương 75,97% so với cùng kỳ năm trước. Tất cả các khoản nợ vay ngắn hạn của ngân hàng, nợ nhà cung cấp, Tập đoàn cũng bố trí nguồn tài chính trả nợ đúng hạn, không bị gia hạn bất cứ khoản thanh toán nào. Như vậy là minh chứng nguồn tài chính của Tập đoàn an toàn và ổn định. Căn cứ vào tỉ lệ giữa Tổng nợ trên Vốn chủ sở hữu dưới 1,2, như vậy mức độ Nợ của Tập đoàn được kiểm soát chặt chẽ và an toàn, điều này đem đến sự linh hoạt và chủ động cho vấn đề luân chuyển nguồn vốn, tăng tạo uy tín về tài chính cho Tập đoàn.

Trong đó vốn chủ sở hữu tăng 26,66% tương đương 439 tỷ đồng do lợi nhuận sau thuế tăng dẫn đến vốn góp của chủ sở hữu tăng tương ứng. Khi nhìn vào cơ cấu vốn của Tập đoàn, ta thấy rằng Tập đoàn đã duy trì một cơ cấu vốn an toàn khi hệ số nợ/vốn chủ sở hữu chỉ ở mức 1.19.

Công tác đảm bảo tài chính của Tập đoàn được thực hiện tốt, các chế độ, quy định của nhà nước cũng như của Tập đoàn được triển khai và thực hiện đầy đủ. Tập đoàn cũng không có khoản nợ quá hạn nào, chứng tỏ nguồn tài chính đảm bảo rất ổn định.

Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách nhà nước. Các khoản thu chi được kiểm soát chặt chẽ và các chỉ tiêu tài chính luôn ở trạng thái bình thường và an toàn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý cụ thể rõ ràng, các quy định, quy trình hoạt động cùng hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành được cập nhật nâng cấp theo hướng tinh gọn dễ làm, dễ áp dụng tạo thuận lợi tối đa cho công tác vận hành;

- Xây dựng lại các quy trình nghiệp vụ có liên quan đảm bảo công tác kiểm soát thu/chi, tài chính Công ty được minh bạch, sử dụng vốn hiệu quả và giảm thiểu tổn thất cho công ty;

- Cải cách đột phá về chính sách lương, thưởng, phúc lợi mang lại quyền lợi thỏa đáng cho người lao động; đảm bảo thu nhập theo mặt bằng xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật; Thay đổi chính sách tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp bố trí nhân lực các cấp phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh thực tế;

- Khuyến khích và khen thưởng các tập thể, cá nhân người lao động có đề xuất, sáng kiến hay về cải tiến kỹ thuật, phương pháp làm việc và quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

Đào tạo mới và nâng cao kiến thức quản lý sản xuất, năng lực quản trị cho các cấp quản lý;

Xem xét bố trí, phân bổ lao động phù hợp với nghiệp vụ từng bộ phận, phòng ban;

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chuẩn bị tốt nguồn nhân lực thay thế.

Có chính sách tuyển dụng linh hoạt và mức độ đãi ngộ tốt để thu hút nhân sự chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển trong những năm tiếp theo;

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp có quyết tâm cao, sáng tạo và linh hoạt trong quản lý điều hành trước những thay đổi nhanh của môi trường kinh doanh, đáp ứng mục tiêu xây dựng Công ty phát triển bền vững.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).

Trong báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của công ty không có ý kiến loại trừ của kiểm toán viên do vậy Ban tổng giám đốc không có ý kiến giải trình.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).

Do đặc điểm của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên không có phần tác động môi trường như (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...); phần tiêu thụ nước chủ yếu là nước sinh hoạt, hệ thống làm mát bằng nước tuần hoàn tại nhà máy thép Bắc Nam với tỷ lệ thu hồi cao trong năm 2021 không phát sinh, phần năng lượng điện chủ yếu dùng cho bộ phận gia công thép tấm, sinh hoạt, chiếu sáng và các máy, thiết bị nâng hạ do vậy lượng chất thải phát tán ra môi trường không có.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

Vấn đề người lao động trong công ty được Ban lãnh đạo quan tâm hàng đầu, do vậy người lao động trong tập đoàn yên tâm công tác.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

- Tổ chức thường xuyên các phiên họp định kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, phương hướng hoạt động và các kế hoạch quan trọng chủ chốt khác của công ty, nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;

- Tổ chức các phiên họp bất thường khác để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kế thừa nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của toàn hệ thống.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance*

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, thực hiện Quyết định Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty với thành tích đạt được khá quan;

- Ban Tổng Giám đốc đã có các chỉ đạo linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn thị trường, thận trọng hơn trong các quyết định mua bán và luôn giữ lượng hàng tồn kho ở mức hợp lý;

- Ban Tổng Giám đốc cũng đề ra các giải pháp phù hợp để khắc phục các nhược điểm và triển khai thực hiện nghiêm túc các Quyết định của Đại hội cổ đông, của Hội đồng quản trị trong năm 2021 vừa qua;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để dự báo, chỉ đạo và hỗ trợ ban Tổng Giám đốc (ban điều hành) Công ty phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư phát triển bền vững trong những năm tiếp theo;

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là Tổng giám đốc đã điều hành công ty đạt kết quả kinh doanh tốt và ổn định trong những năm vừa qua;

- Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng luôn theo sát và tiếp thu ý kiến đóng góp của Ban Tổng Giám đốc, ban kiểm soát trong công tác quản trị, định hướng và thống nhất chủ trương, giải pháp điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong từng giai đoạn, trong từng thời kỳ để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất trong thời gian tới;

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

STT	Họ và Tên	Chức vụ hiện nay	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Hà	Chủ Tịch HĐQT	19.995.782	19,58%	
2	Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc thường trực	5.582.772	5,47%	
3	Nguyễn Vũ Hồng Anh	Thành viên HĐQT Không điều hành	2.985.500	2,92%	
4	Lê Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT độc lập, Không điều hành	0	0,00%	
5	Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT Không điều hành	0	0,00%	Đã có đơn từ nhiệm ngày 01/06/2021

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the committees of the Board of Directors: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).

Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban, Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công cho từng thành viên phụ trách và thực hiện.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.*

Stt	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	Số 01/2021/QĐ-HĐQT	05/03/2021	Chia cổ tức 5% theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng tiền cho các cổ đông	100%
2.	Số 02/2021/QĐ-HĐQT	05/03/2021	Tiến hành tổ Chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021	100%
3.	Số 21/2021/QĐ-HĐQT	31/05/2021	Không chấp thuận đơn từ nhiệm TGD của bà Phạm Thị Hồng	87,5%
4.	Số 19/2021/QĐ-HĐQT	04/06/2021	Thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị công ty cổ phần Tập đoàn thép Tiến Lên	87,5%
5.	Số 25/2021/QĐ-HĐQT	04/06/2021	Bổ nhiệm ông Lê Hoàng Sơn giữ chức vụ chủ tịch Ủy ban kiểm toán của Công ty Cổ Phần tập đoàn thép Tiến Lên	87,5%
6.	Số 26/2021/QĐ-HĐQT	04/06/2021	Bổ nhiệm ông Nguyễn Vũ Hồng Anh giữ chức vụ Thành viên Ủy ban kiểm toán của Công ty Cổ Phần tập đoàn thép Tiến Lên.	87,5%

7.	Số 20/2021/QĐ-HĐQT	04/06/2021	Thành lập ban kiểm toán nội bộ của công ty cổ phần Tập đoàn thép Tiến Lên	87,5%
8.	Số 22/2021/QĐ-HĐQT	04/06/2021	Về việc Bổ nhiệm bà Lê Thị Hồng Liễu giữ chức vụ Trưởng ban kiểm toán nội bộ	87,5%
9.	Số 23/2021/QĐ-HĐQT	04/06/2021	Về việc Bổ nhiệm bà Cao Thị Xinh giữ Kiểm toán viên Ban kiểm toán nội bộ	87,5%
10.	Số 24/2021/QĐ-HĐQT	04/06/2021	Về việc Bổ nhiệm bà Phạm Thị Tâm Hiếu giữ Kiểm toán viên Ban kiểm toán nội bộ	87,5%
11.	Số 27/2021/QĐ-HĐQT	04/06/2021	Về việc chấp thuận đơn từ nhiệm của thành viên HĐQT công ty cổ phần tập đoàn thép Tiến Lên - ông Nguyễn Văn Thành.	87,5%
12.	Số 30/2021/QĐ-HĐQT	27/07/2021	Quyết định của HĐQT về việc bán cổ phiếu quỹ	87,5%
13.	Số 37/2021/QĐ-HĐQT	07/08/2021	Quyết định về việc thành lập ban cố vấn kinh tế	87,5%
14.	Số 38/2021/QĐ-HĐQT	12/08/2021	Quyết định của HĐQT về bổ nhiệm Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị- Nguyễn Ngọc Phượng	87,5%
15.	39/2021/QĐ-HĐQT	12/08/2021	Quyết định của HĐQT về bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc thường trực- Nguyễn Ngọc Phượng	87,5%
16.	Số 77/2021/QĐ-HĐQT	09-09-2021	Quyết định của HĐQT về bán cổ phiếu quỹ	87,5%
17.	Số 104/2021/QĐ-HĐQT	10/11/2021	Quyết định của HĐQT về việc thay đổi người được ủy quyền CBTT	87,5%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /*Board of Supervisors/Audit Committee*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Ông Lê Hoàng Sơn	Chủ tịch ủy ban kiểm toán	0	0,00%
2	Ông Nguyễn Vũ Hồng Anh	Thành viên Ủy ban kiểm toán	2.985.500	2,92%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results*).

STT	Thành viên Ủy BAN KIỂM TOÁN	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Hoàng Sơn	2	100%	100%	
2	Ông Nguyễn Vũ Hồng Anh	2	100%	100%	

Ủy ban kiểm toán họp sáu tháng một lần với sự tham gia của 100% thành viên, tham dự các cuộc họp định kỳ, các cuộc họp giao ban do HĐQT, Ban tổng giám đốc tổ chức. Thẩm định báo cáo tài chính của công ty và qua đó đề xuất kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Thu nhập Tập đoàn chi trả	
			Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
I.	Thu nhập của các Thành viên HĐQT		939.000.000	709.586.000
1	Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	606.667.000	314.167.000
3	Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT		32.500.000
4	Dương Quang Bình	Thành viên HĐQT	20.000.000	70.417.000
5	Đặng Tuấn Đại	Thành viên HĐQT	20.000.000	70.417.000

6	Đào Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT	20.000.000	37.917.000
7	Nguyễn Ngọc Phượng	Thành viên HĐQT	82.333.000	37.917.000
8	Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT	27.000.000	37.917.000
9	Nguyễn Vũ Hồng Anh	Thành viên HĐQT	82.333.000	37.917.000
10	Lê Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	60.667.000	
II.	Thu nhập của Ban Kiểm soát		44.000.000	159.251.000
1	Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng ban KS	20.000.000	70.417.000
2	Cao Thị Hoài Thu	Thành viên ban KS	12.000.000	44.417.000
3	Nguyễn Thị Tâm	Thành viên ban KS	12.000.000	44.417.000
III.	Thu nhập của Ủy ban kiểm toán		234.957.580	
1	Nguyễn Vũ Hồng Anh	Trưởng ban	113.750.000	
2	Lê Hoàng Sơn	Thành viên	121.207.580	
IV.	Thu nhập của Ban Kiểm toán nội bộ		497.468.800	
1	Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng ban	246.166.200	
2	Cao Thị Xinh	Thành viên	128.645.200	
3	Phạm Thị Tâm Hiếu	Thành viên	122.657.400	
V.	Thu nhập của Ban Điều hành		6.377.358.509	5.754.061.868
1	Nguyễn Mạnh Hà	Chủ Tịch HĐQT	870.415.000	1.072.493.077
2	Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc Công ty CP TĐ Thép Tiên Lên	608.333.000	440.000.000
3	Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP TĐ Thép Tiên Lên		280.000.000
4	Nguyễn Ngọc Phượng	Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty CP TĐ Thép Tiên Lên	357.478.795	
5	Dương Quang Bình	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP TĐ Thép Tiên Lên	437.401.220	374.660.980
6	Ngô Thị Hồng Vân	Kế toán Trưởng Công ty CP TĐ Thép Tiên Lên	360.310.483	308.778.907
7	Đào Thị Kim Loan	Kế toán Trưởng Công ty CP TĐ Thép Tiên Lên		57.948.426

8	Phạm Minh Đức	Giám đốc Công ty TNHH SX & TM Đại Phúc_Công ty con	266.979.923	388.908.800
9	Cao Thị Hoài Thu	Kế toán Trưởng Công ty TNHH SX & TM Đại Phúc_Công ty con	314.266.700	286.110.800
10	Lê Văn Trọng	Giám đốc Điều hành Công ty TNHH Thép Tây Nguyên_Công ty con	402.598.500	397.336.000
11	Trương Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc Công ty MTV Thép Phúc Tiến_Công ty con	414.749.923	343.618.462
12	Nguyễn Thị Hương Trà	Phó Tổng Giám đốc Công ty MTV Thép Phúc Tiến_Công ty con	194.199.077	174.830.385
13	Đào Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc Công ty MTV Thép Phúc Tiến_Công ty con	304.917.231	250.507.308
14	Hà Thị Hải	Kế toán Trưởng Công ty MTV Thép Phúc Tiến_Công ty con	184.970.615	180.071.538
15	Nguyễn Tuấn Hiền	Giám đốc Điều hành Công ty TNHH SX & TM Phúc Tiến Hưng Yên_Công ty con	308.833.769	253.281.538
16	Lưu Thị Tình	Kế toán Trưởng Công ty TNHH SX & TM Phúc Tiến Hưng Yên_Công ty con	171.384.077	133.159.231
17	Đỗ Đức Cường	Giám đốc Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng_Công ty con	271.515.500	236.210.000
18	Bàng Sĩ Chung	Kế toán Trưởng Công ty TNHH	35.091.538	55.434.615

		Phúc Tiến Hải Phòng Công ty con		
19	Nguyễn Thị Đào	Phó phòng Kế toán_Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng_Công ty con	28.926.154	
20	Vũ Thị Oanh	Kế toán Trưởng Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng Công ty con	88.517.875	
21	Đào Thị Kim Loan	Tổng Giám Đốc Công ty Bắc Nam Cty liên kết	503.101.208	301.819.266
22	Đặng Tuấn Đại	Phó Giám Đốc Công ty Bắc Nam_Cty liên kết	253.367.920	218.892.535
TỔNG CỘNG			8.092.784.889	6.622.898.868

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng.....)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Phạm Minh Đức	Giám đốc CTY TNHH SX & TM Đại Phúc	25.444	0,02%	44	0%	Bán
2.	Phạm Thúy Liễu	Chị dâu của Tổng Giám Đốc	2.398.662	2,35 %	0	0%	Bán
3.	Bùi Vũ Bảo Ngọc	Em dâu của Tổng Giám Đốc	301.300	0,3%	98	0%	Bán
4.	Nguyễn Vũ Lê	Bố của TV HĐQT_Nguyễn Vũ Hồng Anh	4.870.980	4,77%	80	0%	Bán
5.	Đào Thị Kim Loan	Tổng Giám Đốc – CTY CP Thép Bắc Nam (CTY liên kết)	74.676	0,07%	176	0%	Bán
6.	Lê Văn Trọng	Giám đốc CTY TNHH Thép Tây Nguyên	3.023.966	3%	0	0%	Bán
7.	Đỗ Đức Cường	GD CTY TNHH Phúc Tiến Hải Phòng- CTY con	85.800	0,09%	0	0%	Bán

8.	Nguyễn Ngọc Phượng	Thành Viên HĐQT	0	0%	5.582.772	5,47%	Mua
9.	Phạm Minh Tuấn	Em ruột của Tổng Giám Đốc	1.218.797	1,19%	0	0%	Bán
10.	Phạm Thị Thu Hà	Mẹ của TV HĐQT_Nguyễn Vũ Hồng Anh	2.267.680	2,22%	80	0%	Bán
11.	Dương Quang Bình	Phó Tổng Giám Đốc	29.080	0,028%	80	0%	Bán
12.	Phạm Thanh Phong	Em ruột của Tổng Giám Đốc	14.539	0,014%	39	0%	Bán
13.	Trần Văn Tập	Anh rể của Tổng Giám Đốc	5.088	0,005%	88	0%	Bán
14.	Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng ban kiểm toán nội bộ	21.809	0,02%	09	0%	Bán
15.	Cao Thị Hoài Thu	Kế toán trưởng Công ty con- CTY TNHH Thép Tây Nguyên	21.857	0,02%	57	0%	Bán
16.	Ngô Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng	18.175	0,0178%	75	0%	Bán
17.	Mai Văn Tuyết	Anh rể của Tổng Giám Đốc	14.539	0,014%	39	0%	Bán

18.	Đặng Tuấn Đại	Phó Tổng Giám đốc- Công ty CP Thép Bắc Nam	21.809	0,02%	0	0%	Bán
-----	----------------------	---	--------	-------	---	----	-----



c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

STT	Bên Liên Quan	Mối Liên Kết	Nội Dung	Số tiền
1	Công ty TNHH SX VÀ TM Đại Phúc	Công ty con	Bán Hàng Hóa	65.185.369.672
			Cung Cấp Dịch Vụ	1.790.829.314
			Mua Hàng hóa	34.830.477.369
			Mua Dịch Vụ	4.029.796.412
2	Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Công ty con	Người mua ứng trước tiền hàng	39.422.290
			Bán Hàng Hóa	48.879.447.497
			Cung cấp dịch vụ	1.207.034.740
			Mua Hàng hóa	55.817.129.776
			Mua Dịch Vụ	1.849.792.657
3	Công ty TNHH MTV thép Phúc Tiến	Công ty con	Phải thu khác	27.625.265.916
			Bán Hàng Hóa	163.365.601
4	Công ty TNHH MTV thép Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	Phải thu khách hàng	26.509.419.696
5	Công ty Cổ Phần Thép Bắc Nam	Công ty Liên Kết	Ứng trước cho người bán	6.343.580.803

3600
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

			Bán hàng hóa	31.291.633.187
			Cung cấp dịch vụ	924.000.000
			Mua hàng hóa	115.343.935.039
			Mua dịch vụ	2.012.022.750
6	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HDQT	Phải trả tiền vay	-
7	Bà Phạm Thị Hồng	Tổng giám đốc	Phải trả tiền vay	580.333.119

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban điều hành thực hiện đúng các nguyên tắc sau đây:

- Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.
- Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.
- Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, kiểm toán nội bộ và Tổng giám đốc điều hành.
- Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.
- Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu

1283
G TY
HÀN
N TH
LÊ
T. Đ

chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập vào trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

1. Báo cáo tài chính được kiểm toán. :

2. Báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bao gồm :

Bảng cân đối kế toán;

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán: Đường link Website www.tienlengroup.com.vn; <https://tienlen.com.vn>

Nơi nhận:

Recipients:

-Như trên....

-LưuVT

- Archived:...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE
COMPANY'S**

LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and seal)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Phương

